

SỞ Y TẾ TỈNH NAM ĐỊNH
BỆNH VIỆN PHỔI

Nam Định, ngày 1 tháng 11 năm 2018

BẢNG GIÁ VẬT TƯ Y TẾ TIÊU HAO TẠI BỆNH VIỆN
(Áp dụng từ ngày 1/11/2018)

Stt	Tên Vật tư y tế	Quy cách	Đơn vị tính	Giá mua	Ghi chú
1	Bơm cho ăn 50ml(nhựa)	1 cái/Túi	cái	7,300	
2	Bơm tiêm 50ml(nhựa) dùng cho bơm tiêm điện	1 cái/Túi	cái	21,000	
3	Kim chọc dịch não tủy	cái	cái	24,000	
4	Kim cánh bướm	G23 1 cái/ túi	cái	1,700	
5	Kim luồn tĩnh mạch	các số	cái	13,200	
6	Bơm tiêm nhựa 10ml	1 cái/Túi	cái	1,600	
7	Bơm tiêm nhựa 5ml	1 cái/Túi	cái	800	
8	Bơm tiêm nhựa 1ml	1 cái/Túi	cái	750	
9	Kim lấy thuốc	18G	cái	450	
10	Dây truyền(Hanaco)	1 bộ/túi	bộ	7,500	
11	Dây truyền liên doanh	1 bộ/túi	bộ	4,200	
12	Dây nối bơm tiêm điện	1 cái/Túi	cái	15,000	
13	Dây thở oxy 2 gọng	10 cái /túi	bộ	11,000	
14	Ba chạc	100 cái/hộp	cái	6,600	

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Văn Thọ

SỞ Y TẾ TỈNH NAM ĐỊNH
BỆNH VIỆN PHỔI

Nam Định, ngày 1 tháng 11 năm 2018

BẢNG GIÁ THUỐC THANH TOÁN TẠI BỆNH VIỆN

Stt	Tên thuốc nồng độ hàm lượng	Đơn vị tính	Đơn giá(VNĐ)	Ghi chú
1	Menzomi 2g	Chai/lọ	89,000	
2	Ceftizoxime 1g	Chai/lọ	32,900	
3	Piperacilin 2g	Chai/lọ	67,000	
5	Biosubtyl-II	viên	1,374	
6	Adrenoxyl 10mg	viên	1,250	
7	Dolcontral 50mg/ml 2ml	ống	14,690	
8	Nafloxin solution for infusion 200mg/100ml	Chai/lọ	44,000	
9	Fluconazol Stada 150mg	viên	10,000	
10	Omsergy 20mg	Viên	280	
11	Pyclin 300	ống	16,401	
12	Panfor SR- 500	viên	1,197	
13	Simvapol 20mg	viên	1,250	
16	Piracetam-Egis 40mg	viên	1,220	
17	Naphazolin 0,05%	Chai/lọ	2,030	
18	Salbutamol Renaudin 5mg/5ml (0,1%)	ống	110,000	
19	Seretide Accuhaler 50/250mcg	Bình	259,147	
20	Ama - Power 1+0,5g	Chai/lọ	62,000	
21	Kilazo 1g	Chai/lọ	90,000	
22	Furosemide Salf	ống	4,100	
23	Scilin R 400UI	Chai/lọ	98,500	
24	Tatanol 500mg	viên	298	

27	Cardiv 10mg/10ml	ống	96,000	
28	Garnotal 100mg	viên	200	
29	Agifamcin 300	viên	1,755	
30	Rocamux 250mg	gói	3,150	
31	Vitamin B12 Kabi 1000mcg	ống	448	
32	Scilin M30 (30/70)	Chai/lọ	96,000	
33	COLCHICINE 1mg	Viên	214	
35	Ticarlinat 1,6g	Chai/lọ	105,000	
36	Midaman 1,5g/0,1g	Chai/lọ	99,000	
37	Calci clorid 500mg/ 5ml	ống	984	
38	Cloxacillin 1g	Chai/lọ	45,000	
39	Bisoprolol Plus HCT 2.5/6.25	viên	2,400	
40	Nerusyn 3g	Chai/lọ	92,000	
41	Feriweek 60mg+1,5mg	viên	1,000	
42	Cyclonamine 250mg	viên	6,885	
43	Cyclonamine 12,5%	ống	25,000	
44	Partamol Tab. 500mg	Viên	480	
45	Kali clorid 10%	ống	1,830	
46	Myonal 50mg	viên	3,416	
47	Nadecin 10mg	viên	2,600	
48	Falipan 10%	Ống	15,400	
49	Osaphine 10mg 1ml	ống	3,780	
50	Jeitin 1G	Chai/lọ	42,000	
51	Piperacilin 1g	Chai/lọ	49,490	
52	Panactol Codein plus 530mg	viên	577	
53	Ridlor 75mg	viên	1,500	
54	Ozonbiotic Extra	gói	2,150	

55	Vintrypsine 5000UI	Chai/lọ	4,120	
56	Cefuroxim axetil 500	viên	2,016	
57	Cordarone 200mg	viên	6,750	
58	Beatil 4mg/5mg	viên	5,680	
59	Glucose 30%	ống	1,008	
60	Diclofenac 75mg	ống	845	
61	Ringer lactate 500ml	Chai/lọ	8,915	
62	Natri bicarbonat 1,4%	Chai/lọ	29,820	
64	Proxacin 1%	Chai/lọ	136,000	
65	Povidon-iod HD	Chai/lọ	10,000	
67	Adrenalin 1mg	ống	1,960	
68	Bio-Taksym 1g	Chai/lọ	25,000	
69	Golddicron 30mg	viên	2,585	
70	Glucose 5% 500ml	Chai/lọ	9,240	
71	Natri clorid 0,9% 500ml	Chai/lọ	8,455	
72	Nước cất tiêm 5ml	ống	494	
73	Savi Telmisartan 40	viên	780	
74	Clarithromycin Stada 500mg	viên	5,500	
75	Trimeseptol 480mg	viên	195	
76	Lidocain 40mg	ống	440	
77	Midozam 1,5g	Chai/lọ	41,800	
78	Cồn 70	Chai/lọ	2,300	
79	Theostat L.P 100mg	Viên	1,636	
80	Drenoxol 30mg	ống	8,589	
81	Terpin-Codein 100+10mg	viên	280	
82	Lorista H 62,5mg	viên	5,912	
83	Quibay 1g	Ống	0,427	

84	Dopamine Hydrochloride USP 40mg/ml 5ml	ống	19,950	
85	Loperamid 2mg	viên	119	
86	Bromhexin Actavis 8mg	viên	630	
87	Paracetamol Kabi AD 100mg	Chai/lọ	40,547	
88	Seretide Accuhaler 50/500mcg	bình	335,928	
89	Atropin Sulphat 0,25mg	ống	461	
90	Dimedrol 10mg	ống	515	
91	Vinopa 40mg/2ml	ống	2,858	
92	Mebilax 15	viên	920	
93	Seduxen 5mg	viên	607	
94	Silygamma 150mg	viên	3,500	
95	Tenafathin 1000	Chai/lọ	77,994	
96	Midaxin 150	viên	7,980	
97	Cinnarizin 25mg	viên	45	
98	Sindazol Intravenous Infusion	Chai/lọ	50,000	
99	Dobucin 250mg	Chai/lọ	38,600	
100	Sorbitol 5g	gói	399	
101	Aminazin 25 mg	viên	71	
102	Fefasdin 60	viên	254	
103	Bambec 10mg	viên	5,639	
104	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	bình	225,996	
105	Nexium Mups 20mg	viên	22,456	
106	Zinnat Tablets 250mg	viên	13,166	
107	Xatral XL 10mg	viên	15,291	
108	Medrol 4mg	viên	983	
109	Vastarel MR 35mg	viên	2,705	
110	Corderone 150mg/2ml	ống	20,040	

111	Coversyl 5mg	viên	5,650	
112	Micardis 40mg	viên	10,349	
113	Motilium-M 10mg	viên	1,813	
114	Pulmicort Respules 500mcg/2ml	ống	13,834	
115	Symbicort Turbuhaler 160/4,5mcg	ống	286,440	
116	Berodual 0,02/ 0,05 mg	bình	132,323	
117	Ventolin Nebules 5ml/2,5ml	ống	8,513	
118	Flixotide Nebules 0.5mg/2ml	ống	13,514	
119	Combivent 0,5/ 2,5mg	lọ	16,074	
120	Seretide Accuhaler 50/250mcg	bình	259,147	
121	Ventolin Inhaler 100mcg/ liều xịt	bình	76,379	
122	Seretide Evohaler DC 25/250mcg	bình	278,090	
123	Bricanyl 0,5mg	ống	11,990	
124	Aminoplasma B.Braun 5% E	chai	67,725	
125	Amlor 5mg	viên	8,125	
126	Ciprobay 500mg	viên	13,913	
127	Cravit tab 250mg	viên	23,650	
128	Adalat LA 30mg	viên	9,454	
129	Adalat LA 20mg	viên	5,950	
130	Spiriva Respimat 0,0025mg/ nhát xịt	ống	1,016,387	
131	Atiliver Diệp Hạ Châu	viên	1,950	
132	Biofil 4g/10ml	ống	2,500	
133	Hoạt huyết dưỡng não	viên	156	
134	Sirô bổ phổi	Chai	13,900	

